

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam có phiên giảm điểm do áp lực bán giá tăng ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trong rổ VN30

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giao dịch nổi trội hơn so với thị trường cơ sở

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

MSN

[Cập nhật công ty]

FPT

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi tích lũy vị thế ngắn hạn trong nhịp điều chỉnh, NĐT tiếp tục được khuyến nghị tạm dừng lại quan sát những tín hiệu rõ ràng hơn

17/07/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	872.02	-0.55
VN30	814.16	-0.69
HĐTL VN30F1M	807.90	-1.45
HNXIndex	116.81	+1.06
HNX30	221.10	+0.73
UPCoM	57.57	+0.95
USD/VND	23,192	+0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.84	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+6
Dầu (WTI, \$)	40.54	-0.52
Vàng (LME, \$)	1,802.67	+0.31



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 872.02 (-0.55%)
KLGD (triệu CP) 238.0 (+9.7%)
GTGD (triệu US\$) 197.3 (+6.5%)

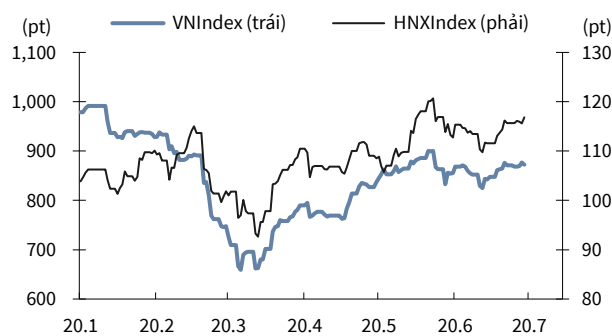
HNXIndex 116.81 (+1.06%)
KLGD (triệu CP) 38.9 (+23.6%)
GTGD (triệu US\$) 21.0 (+34.4%)

UPCoM 57.57 (+0.95%)
KLGD (triệu CP) 30.5 (+162.7%)
GTGD (triệu US\$) 9.8 (+51.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +0.1

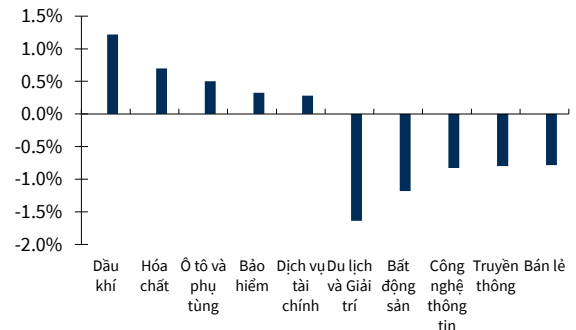
TTCK Việt Nam có phiên giảm điểm do áp lực bán giá tăng ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trong rổ VN30, sau khi nhóm cổ phiếu này bật tăng mạnh phiên ATC ngày hôm qua, cũng là phiên đảo hạm phái sinh ở F2007. Xét riêng rổ cổ phiếu VN30 có 20 mã giảm và chỉ 7 mã tăng điểm. Thông tin từ Fitch Solutions cho biết Việt Nam cùng với Myanmar và Campuchia là 3 quốc gia được hưởng lợi lớn nhất từ sự dịch chuyển cơ cấu ngành dệt may, giúp các cổ phiếu trong ngành tăng điểm ở TCM (+2.4%), TNG (+0.8%). Trong khi đó, thông tin 1 số doanh nghiệp Mỹ như UPS và SC Johnson cho biết sẽ sớm công bố việc mở rộng đầu tư kinh doanh tại Việt Nam thời gian tới giúp cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp tăng giá động loạt ở KBC (+0.7%), ITA (+1.7%). Việc Thủ tướng Chính phủ cho biết sẽ chưa chấp nhận việc mở cửa cho khách du lịch, dù 1 số đường bay thương mại quốc tế có thể khôi phục trở lại vào tháng 8, khiến nhóm cổ phiếu hàng không giảm điểm ở VJC (-2.7%), HVN (-0.6%). Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng, tập trung ở VHM (-1.2%), VCB (-0.8%), MSN (-1.4%).

VNIndex & HNXIndex



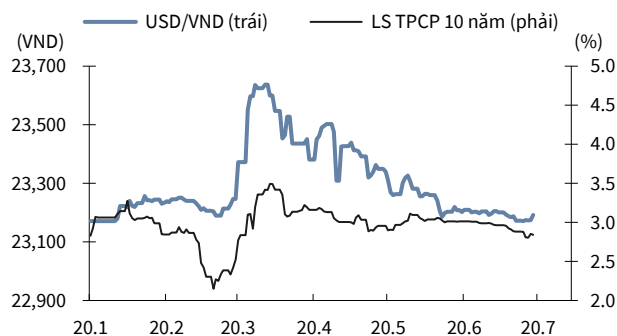
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



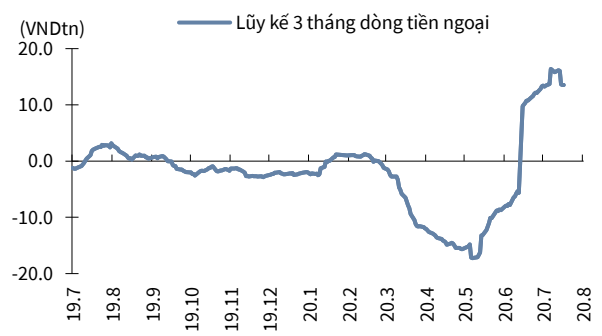
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



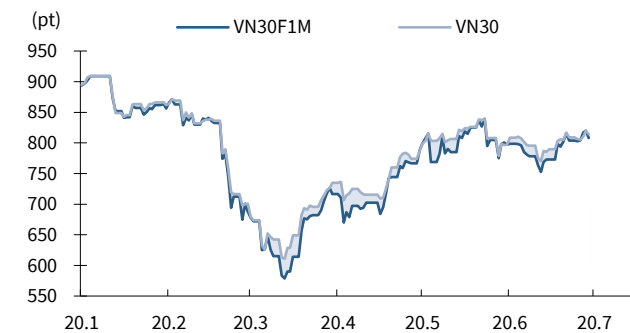
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	814.16 (-0.69%)
VN30F1M	807.9 (-1.45%)
Mở cửa	811.0
Cao nhất	813.4
Thấp nhất	805.4
KLGD (HĐ)	163,712 (+22.6%)

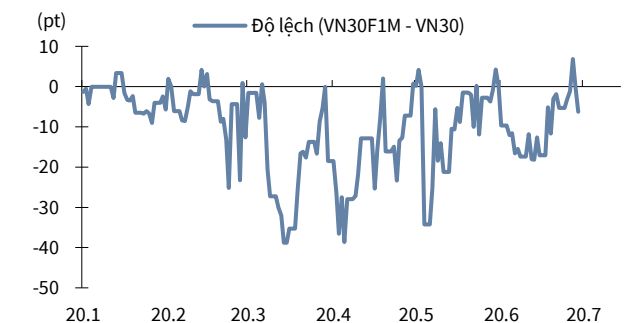
Các HĐTL giao dịch nổi trội hơn so với thị trường cơ sở, khi các TTCK trong khu vực giao dịch khởi sắc trước kỳ vọng sẽ có thêm chính sách kích thích kinh tế từ các Chính phủ. Chênh lệch giữa F2008 và VN30 mở cửa ở mức -8.83 điểm, trước khi rơi xuống mức thấp nhất trong ngày ở -10.23 khi thị trường cơ sở bất ngờ suy yếu đầu phiên, và hồi phục nhẹ về mức -7.24 điểm thời điểm đóng cửa phiên sáng. Đầu phiên chiều, diễn biến tăng đồng loạt của các TTCK trong khu vực khiến nhà đầu tư trong nước gia tăng vị thế LONG và chênh lệch thu hẹp mạnh xuống -2.74 điểm, trước khi đóng cửa ở mức -6.26 điểm khi nhà đầu tư cover vị thế LONG trong phiên ATC. NĐTNN bán ròng nhẹ phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường tăng so với phiên hôm qua.

HĐTL VN30F1M & VN30



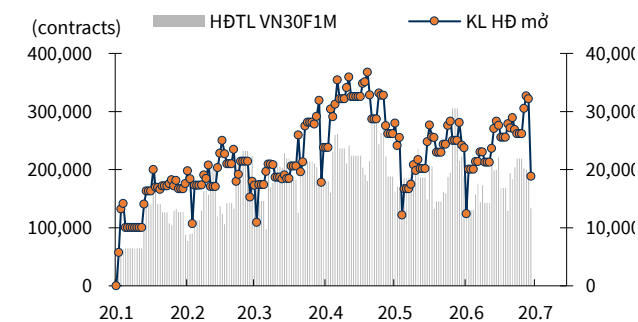
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



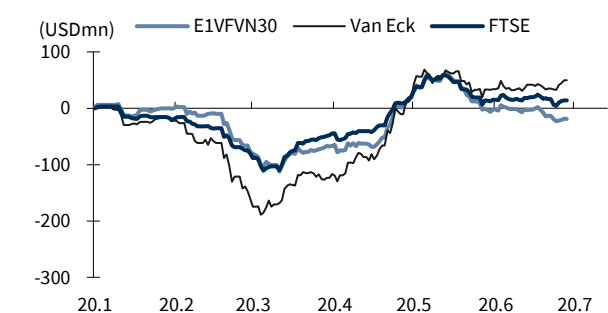
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

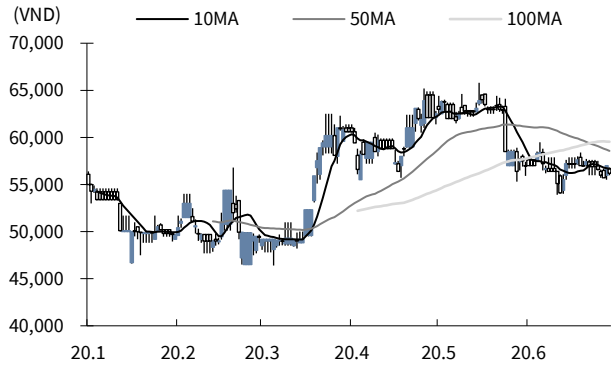
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Masan Group (MSN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSN giảm -1.4% xuống 56,200 VNĐ/cp.
- HĐQT MSN đã thông qua việc phát hành tối đa hơn 5.8 triệu cổ phiếu (tương đương 0.5% tổng số cổ phiếu lưu hành) theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Thời gian dự kiến thực hiện trong tháng 7 hoặc tháng 8, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Giá phát hành là 10,000 đồng/cp, tương đương 18% mức giá đóng cửa phiên ngày 16/7 (55,700 đồng/cp).

CTCP FPT (FPT)

Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm tăng 13.5% yoy

Doanh thu và LNTT 6 tháng đầu năm lần lượt tăng 9.0% và 13.5% yoy

— Doanh thu 6 tháng đầu năm 2020 đạt 13,611 tỷ VND, tăng 9.0% yoy trong đó doanh thu khối công nghệ tăng 8.1% yoy và khối Viễn Thông tăng 10.5% yoy. LNTT 6 tháng đầu năm đạt 2,428 tỷ VND, tăng 13.5% yoy trong đó LNTT khối Công nghệ tăng 13.3% yoy và LNTT khối Viễn Thông tăng 14.2% yoy.

Đà tăng mảng dịch vụ CNTT nước ngoài có dấu hiệu chậm lại trong tháng 6/2020

— Mảng dịch vụ CNTT nước ngoài duy trì tăng trưởng với doanh thu và LNTT tăng lần lượt 17.8% yoy và 20.9% yoy. Đáng chú ý, tăng trưởng doanh thu trong tháng 6 chỉ ở mức 6% yoy do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến công tác bán dịch vụ. Trong khi đó mảng công nghệ thông tin trong nước chịu ảnh hưởng nặng nề hơn khiến doanh thu và LNTT 6T/2020 lần lượt giảm 15.5% yoy và 36.8% yoy.

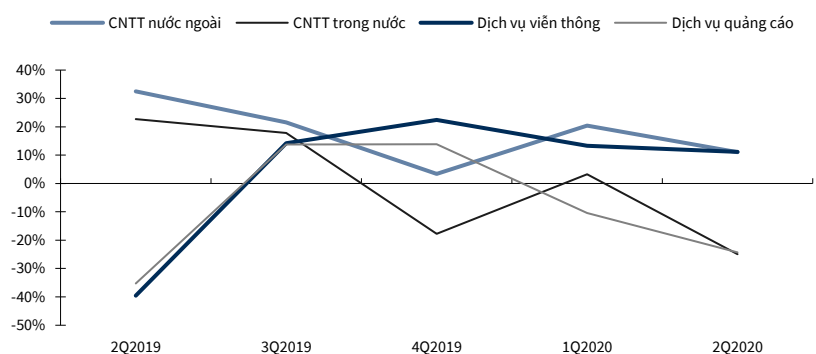
Các biện pháp tiết giảm chi phí hiệu quả giúp LNTT mảng Dịch vụ Viễn Thông tăng 31.3% yoy

— Với các biện pháp tiết giảm chi phí hiệu quả, mặc dù tăng trưởng doanh thu có dấu hiệu chậm lại chỉ đạt 12.2% yoy, mảng Dịch vụ Viễn Thông vẫn có mức tăng trưởng LNTT ấn tượng, tăng 21.8% yoy. Trong khi đó, dịch Covid-19 khiến các đơn hàng quảng cáo giảm mạnh, là nguyên nhân chính dẫn tới doanh thu và LNTT mảng Dịch vụ Quảng cáo giảm lần lượt -18.4% và -23.9%.

Tăng trưởng doanh thu ở tất cả các mảng đều có dấu hiệu suy giảm trong 2Q2020 do ảnh hưởng của Covid-19, đặc biệt ở 2 mảng CNTT trong nước và Dịch vụ Quảng cáo đều có tăng trưởng âm.

KBSV đánh giá, với diễn biến dịch đang có những dấu hiệu tích cực trên thế giới, đà tăng trưởng có thể được cải thiện trở lại trong nửa cuối năm 2020

Biểu đồ 1. Tăng trưởng doanh thu theo mảng tính đến 2Q2020



Nguồn: FPT, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

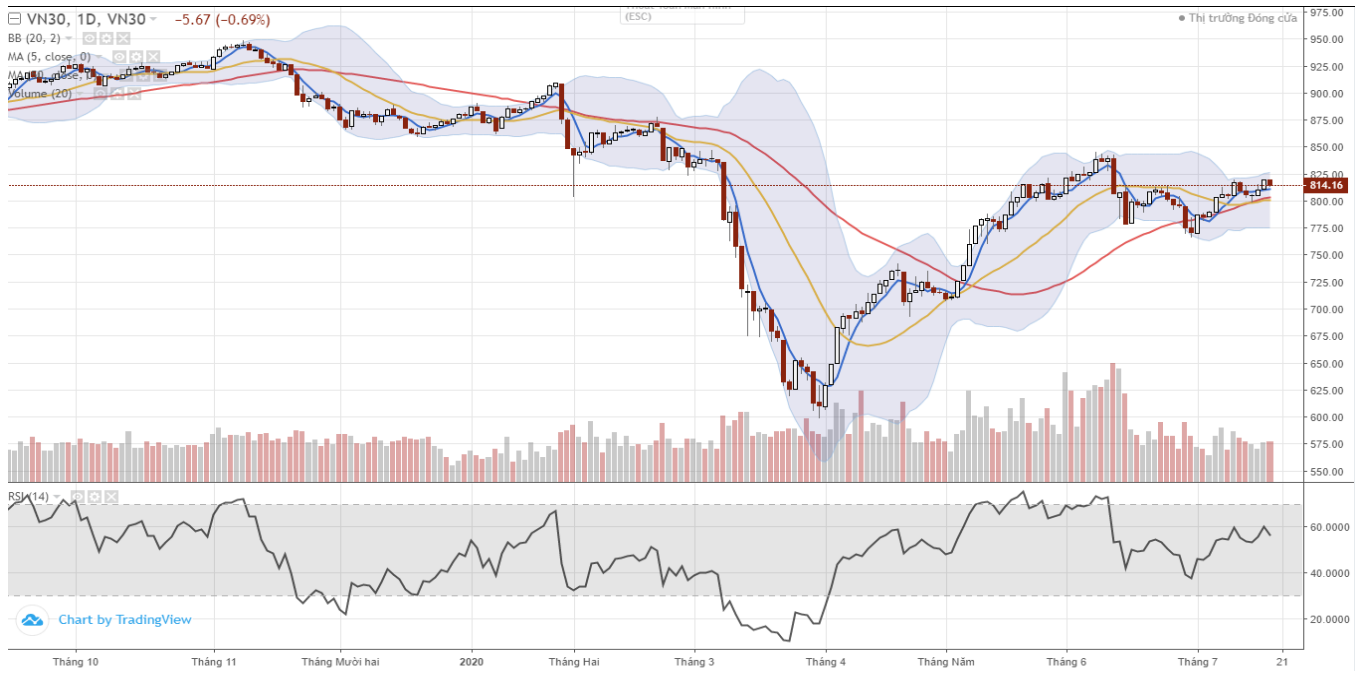
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

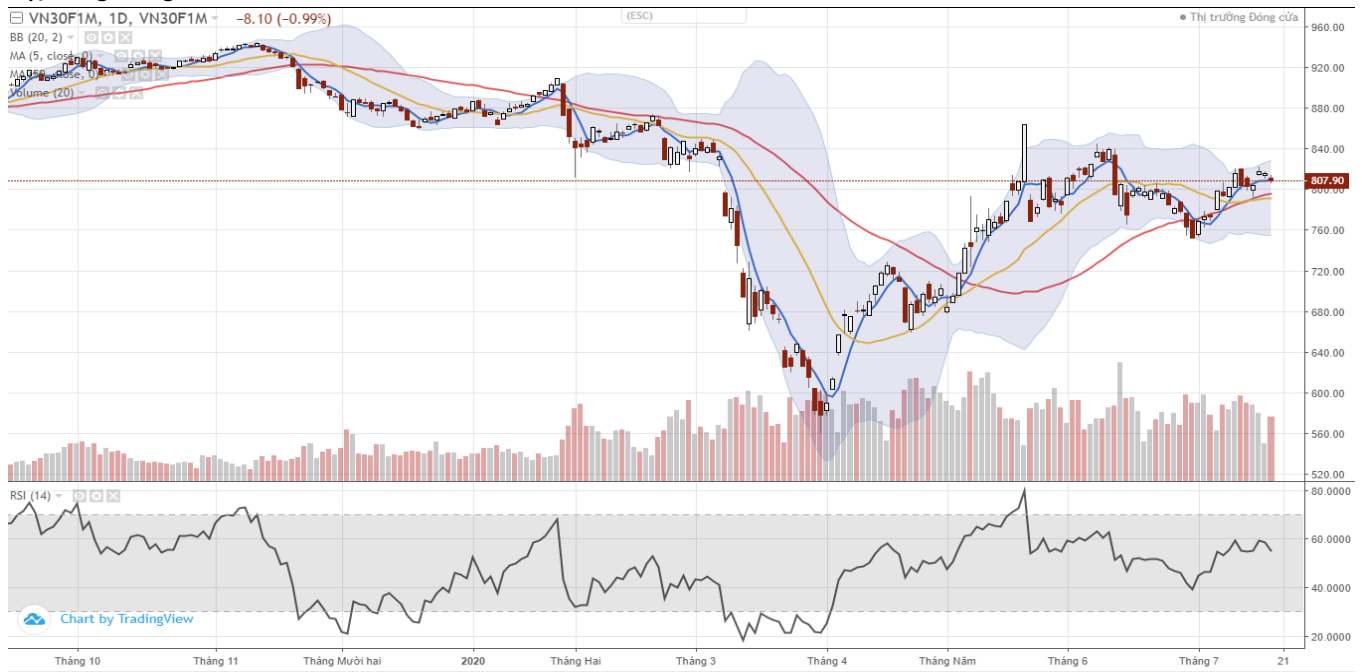
- VNIndex tiếp tục diễn biến giằng co trong biên độ hẹp và giảm điểm nhẹ trong phiên hôm nay.
- Diễn biến điều chỉnh tích lũy ở vùng cản quanh 875 có thể tiếp nối trong phiên giao dịch đầu tuần sau và chúng tôi đang chờ đợi tín hiệu bứt phá của chỉ số để có thể xác nhận xu hướng tăng rõ ràng hơn.
- Sau khi tích lũy vị thế ngắn hạn trong nhịp điều chỉnh, NĐT tiếp tục được khuyến nghị tạm dừng lại quan sát những tín hiệu rõ ràng hơn.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 giảm điểm nhẹ trong khi F1 diễn biến giằng co phiên hôm nay.
- Chỉ số vẫn chưa thoát khỏi ảnh hưởng của vùng cản 820 và có thể tiếp tục diễn biến lình xình thêm trong phiên giao dịch đầu tuần tới.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế LONG trở lại khi chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ gần quanh 810 nhưng cần linh hoạt chốt lời ngắn trong phiên.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

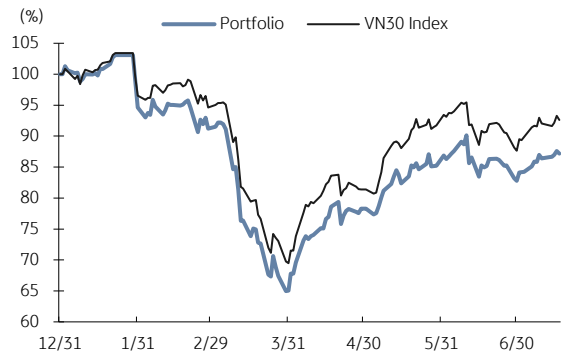
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.69%	-0.49%
Tăng lũy kế (YTD)	-7.38%	-12.81%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 17/07/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	84,000	-0.9%	-27.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	25,350	0.8%	-5.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	60,400	-0.2%	-21.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,500	0.0%	-11.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	32,650	-1.4%	-4.0%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	48,100	-1.0%	43.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	24,100	0.0%	-1.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	109,000	-2.7%	-15.6%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	28,550	-0.2%	21.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	14,400	0.7%	5.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.7%	58.7%	30.1
MBB	1.3%	23.0%	13.2
VIC	4.3%	13.9%	8.9
TCM	2.3%	48.3%	8.4
CTG	0.0%	30.0%	8.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	0.0%	20.2%	-31.4
VCB	-2.2%	23.7%	-22.9
MSN	0.8%	38.9%	-18.3
DXG	2.3%	40.8%	-7.8
DBC	0.0%	3.8%	-7.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	1.5%	5.5%	4.1
PLC	1.6%	0.9%	1.7
ART	1.5%	4.0%	1.3
DHT	1.4%	3.1%	1.0
SHE	2.4%	3.9%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	-4.7%	6.8%	-6.5
PVS	-1.0%	11.5%	-5.2
BVS	0.0%	25.5%	-0.7
VKC	0.0%	13.3%	-0.3
BAX	0.0%	1.8%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	6.2%	PNC, AAA
Tài nguyên Cơ bản	2.5%	HPG, AAA
Dầu khí	2.4%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	2.0%	TCH, SVC
Dịch vụ tài chính	1.9%	SSI, FIT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-1.5%	SAB, HNG
Du lịch và Giải trí	0.1%	HVN, SCS
Bất động sản	0.2%	NVL, VRE
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.5%	LGC, PAN
Ngân hàng	0.5%	EIB, STB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	7.9%	PNC, AAA
Dịch vụ tài chính	6.9%	SSI, FIT
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.8%	GEX, LGC
Thực phẩm và đồ uống	4.6%	SAB, VNM
Ô tô và phụ tùng	4.1%	TCH, SVC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-2.4%	BVH, BIC
Du lịch và Giải trí	-2.0%	HVN, VJC
Bất động sản	-0.9%	VIC, VRE
Ngân hàng	-0.7%	VCB, EIB
Bán lẻ	0.2%	DGW, PET

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	91,500	309,492 (13,345)	34,300 (1.5)	22.8	49.4	31.7	20.0	6.8	8.9	3.6	3.1	-1.6	0.1	-0.4	-20.4
	VHM	VINHOMES JSC	80,500	264,806 (11,418)	126,145 (5.4)	28.8	9.9	8.9	34.3	38.2	30.4	3.2	2.4	-1.2	1.4	5.9	-5.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	26,850	61,012 (2,631)	51,429 (2.2)	18.2	23.2	17.4	4.7	9.4	11.9	2.1	2.0	-1.6	-0.7	-2.4	-21.0
	NVL	NO VA LAND INVES	61,900	60,015 (2,588)	64,749 (2.8)	32.2	19.8	21.5	-6.0	12.4	11.5	2.4	2.2	-0.3	-2.7	8.4	4.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,050	13,141 (567)	13,502 (0.6)	5.1	12.1	10.8	15.2	14.3	14.7	1.6	1.5	-1.2	3.7	7.5	-6.9
	DXG	DAT XANH GROUP	11,150	5,785 (249)	39,165 (1.7)	8.2	5.6	5.0	-14.2	12.0	14.3	0.7	0.6	0.0	-3.9	-7.1	-23.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	82,800	307,095 (13,241)	66,449 (2.9)	6.3	18.5	15.2	11.9	19.9	19.7	3.1	2.6	-0.8	0.1	-1.7	-8.2
	BID	BANK FOR INVESTM	41,600	167,316 (7,214)	34,904 (1.5)	12.3	31.2	19.4	-11.3	9.1	12.3	2.2	2.0	0.6	0.2	3.2	-9.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	20,600	72,103 (3,109)	25,025 (1.1)	0.0	7.0	6.0	4.9	16.4	16.2	1.0	0.9	-1.9	0.7	1.5	-12.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	24,100	89,734 (3,869)	83,269 (3.6)	0.0	13.4	10.0	16.4	10.1	12.0	1.1	1.0	0.0	1.3	4.8	15.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,050	56,190 (2,423)	55,241 (2.4)	0.0	7.3	6.0	0.4	16.5	16.7	1.1	1.0	2.0	1.8	3.1	15.3
	MBB	MILITARY COMMERC	17,500	42,200 (1,820)	52,098 (2.2)	0.0	5.8	4.8	7.8	18.4	18.2	0.9	0.8	0.0	1.4	1.2	-15.9
	HDB	HDBANK	26,950	26,032 (1,122)	22,384 (1.0)	9.4	7.7	6.2	10.2	20.6	21.5	1.1	0.9	-0.9	1.1	0.4	-2.2
	STB	SACOMBANK	11,600	20,922 (902)	113,645 (4.9)	14.8	11.6	7.5	10.6	6.8	10.0	-	-	0.0	0.4	0.0	15.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,000	17,965 (775)	1,571 (0.1)	0.0	7.3	4.9	-	22.5	-	-	-	-0.5	1.4	7.1	4.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,450	21,454 (925)	2,110 (0.1)	0.0	37.5	36.0	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	-0.9	-0.9	-3.6	-2.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	48,350	35,891 (1,548)	23,984 (1.0)	20.8	34.5	26.0	-5.4	6.2	8.0	1.8	1.8	0.7	0.9	0.7	-29.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	21,550	1,969 (085)	2,467 (0.1)	13.6	-	-	-	7.6	8.6	0.9	0.8	-1.1	-4.0	-1.1	-13.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	16,700	10,036 (433)	79,617 (3.4)	50.6	11.8	9.2	-17.7	8.2	10.7	1.0	0.9	0.6	4.7	11.3	7.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	23,150	3,803 (164)	15,966 (0.7)	72.6	8.3	6.4	-24.9	11.1	13.0	0.9	0.8	-0.9	-6.7	4.3	-21.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	19,300	5,888 (254)	36,403 (1.6)	47.9	13.2	8.2	-22.5	11.0	17.1	1.3	1.2	0.5	-0.3	2.9	-9.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	13,250	2,763 (119)	5,940 (0.3)	13.1	11.9	7.5	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.8	-0.4	0.8	1.5	-8.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	116,800	203,393 (8,770)	99,089 (4.3)	41.3	20.2	18.8	4.8	37.6	38.3	6.8	6.1	-0.6	1.3	1.0	0.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,000	123,126 (5,309)	25,125 (1.1)	36.7	30.3	25.2	1.2	21.5	23.8	6.0	5.3	-0.5	-6.8	15.6	-15.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	56,200	65,695 (2,833)	61,492 (2.7)	10.1	41.1	25.0	-45.4	4.1	7.5	1.5	1.4	-1.4	-1.2	-2.3	-0.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,200	15,741 (679)	6,375 (0.3)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-1.0	-7.2	-7.5	2.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	109,000	57,098 (2,462)	34,956 (1.5)	11.9	199.6	13.4	-76.5	9.6	24.2	3.6	3.8	-2.7	0.9	-0.7	-25.4
	GMD	GEMADEPT CORP	19,600	5,820 (251)	3,828 (0.2)	0.0	15.1	13.5	-54.2	6.9	7.7	1.0	1.0	-0.3	2.1	1.0	-15.9
	CII	HO CHI MINH CITY	18,000	4,299 (185)	21,481 (0.9)	32.2	12.6	13.4	105.5	7.7	7.0	0.9	0.9	0.3	-1.1	-6.3	-20.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,970	1,686 (073)	31,808 (1.4)	47.1	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	-1.3	-5.7	-82.8
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,550	10,128 (437)	47,255 (2.0)	33.5	13.9	10.9	-16.2	11.7	13.9	-	-	0.5	7.5	32.2	11.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	84,600	6,454 (278)	62,833 (2.7)	3.1	11.5	11.4	-39.4	6.6	6.8	0.8	0.7	1.3	7.1	34.9	64.9
	REE	REE	32,650	10,123 (436)	9,458 (0.4)	0.0	6.4	5.6	-5.9	14.1	14.5	0.9	0.8	-1.4	2.0	6.5	-10.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	71,900	137,613 (5,934)	33,208 (1.4)	45.7	18.9	14.4	-20.1	15.2	19.5	2.8	2.7	-0.4	-3.2	-1.4	-23.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,450	6,751 (291)	7,396 (0.3)	30.7	9.3	8.6	-1.9	16.9	18.9	1.6	1.5	2.0	5.6	9.8	8.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,850	7,967 (344)	2,901 (0.1)	32.6	8.5	9.3	-8.8	15.7	14.2	1.3	1.3	0.0	1.0	3.5	-7.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	28,550	78,829 (3,399)	321,275 (13.9)	13.0	9.0	7.1	-0.5	18.2	19.6	1.4	1.2	-0.2	2.9	8.8	21.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	14,600	5,713 (246)	37,591 (1.6)	38.1	9.5	9.8	-0.7	8.8	8.1	0.7	0.7	-1.0	-0.3	4.3	12.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	8,970	4,749 (205)	19,297 (0.8)	47.1	11.1	24.4	-14.7	7.8	3.5	0.8	0.8	-0.4	-0.3	4.8	38.0
	HSG	HOA SEN GROUP	11,550	5,132 (221)	121,869 (5.3)	37.6	9.1	8.2	20.0	9.9	9.8	0.8	0.7	0.4	-1.7	0.4	55.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,850	2,200 (095)	19,802 (0.9)	96.8	6.7	7.6	37.9	13.4	10.4	0.7	0.6	3.2	2.8	1.2	1.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	47,500	57,276 (2,470)	56,090 (2.4)	5.5	40.1	16.6	-34.7	7.1	15.3	2.4	2.0	1.4	2.5	3.8	-15.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,500	4,422 (191)	28,431 (1.2)	37.2	45.3	26.0	-19.6	1.0	0.9	0.3	0.3	-0.9	1.0	-0.5	-30.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	10,550	2,969 (128)	10,198 (0.4)	26.0	7.0	5.9	-19.1	8.9	9.9	0.5	0.5	-0.5	1.0	-1.9	-37.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	84,000	38,037 (1,640)	50,305 (2.2)	0.0	9.4	7.8	15.3	30.0	29.5	2.4	1.9	-0.9	1.3	0.2	-26.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	60,400	13,597 (586)	22,481 (1.0)	0.0	15.2	12.4	-1.9	21.5	24.2	2.6	2.4	-0.2	0.8	3.6	-29.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	58,300	1,720 (074)	840 (0.0)	69.3	24.5	17.9	-28.1	6.7	8.5	1.6	1.5	-0.9	6.2	9.0	57.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	25,700	2,030 (088)	15,565 (0.7)	13.9	12.8	11.8	-31.7	11.8	12.1	1.4	1.3	-0.4	6.2	6.4	22.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	53,700	7,276 (314)	48,554 (2.1)	38.9	6.8	6.6	30.3	38.0	32.7	2.4	2.0	2.1	1.5	7.4	40.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	93,000	12,159 (524)	872 (0.0)	45.4	18.8	17.4	4.6	19.4	19.3	3.4	3.2	-0.2	0.0	1.1	1.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	62,900	4,718 (203)	679 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	-0.2	0.2	15.8
IT	FPT	FPT CORP	48,100	37,706 (1,626)	58,719 (2.5)	0.0	11.0	9.4	18.3	24.1	25.2	2.4	2.1	-1.0	0.6	3.8	-5.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.